

TỤC KIÊNG KỶ: PHỤ NỮ KHÔNG ĐƯỢC ĂN ỐC KHI MANG THAI

TRẦN BÌNH

Tóm tắt

Phụ nữ các tộc người ở Việt Nam, kể cả người Việt có tục kiêng ăn ốc khi đang mang thai. Hiện tượng văn hóa này đã được các nhà nghiên cứu biết đến và cũng đã được lý giải rất nhiều lần. Cái gốc của sự lý giải xuất phát từ việc nhận thấy ốc là con vật có nhiều dãi, nhớt.

Thông qua các dữ liệu của việc cúng mụ cho hài nhi của người Việt, tang ma của người Dao ở Ba Bể (Bắc Kạn), tang ma của người Nùng Phàn Sình (Thái Nguyên), tục đưa vong lên chùa của người Việt (Đồng Bằng Bắc Bộ), Bụt Ốc và di cốt hang Phìa Vài (Na Hang, Tuyên Quang),... hiện tượng kiêng ăn ốc khi đang mang thai của phụ nữ các tộc người nên được hiểu là: vì họ sợ sinh ra con không có mắt. Đó là cách lý giải dựa trên hai cơ sở: ăn kiêng để bảo vệ sức khỏe (nhộng tằm, các con vật chết,...); ăn kiêng do tín ngưỡng quy định (kiêng ăn vật tổ, kiêng ăn ốc,...).

1. Lý giải việc thai phụ kiêng ăn ốc trong một số tài liệu nghiên cứu Dân tộc học

Đối với thai phụ các tộc người thiểu số (và cả người Việt), khi mang thai họ phải tuân thủ chế độ kiêng kỵ rất nghiêm ngặt. Trong đó có việc kiêng tuyệt đối không ăn ốc. Việc kiêng ăn ốc khi mang thai được đa số các nhà nghiên cứu cho rằng vì thai phụ sợ con ra đời sẽ có nhiều dãi dớt. Có thể dẫn ra vài ví dụ:

“... Người Nùng An, Nùng Lòì, Nùng Cháo khuyên những phụ nữ mang thai nhiều điều kiêng kỵ như không bước qua dây buộc ngựa, trâu bò vì quan niệm rằng sau này đứa trẻ sẽ bị tròng hoa quẩn cổ hoặc sẽ luôn há mồm; không ăn ốc vì trẻ bị ra dớt dãi; không ăn cơm cháy vì sợ dính ruột...” (1, tr. 205).

“... Tuy nhiên, trong chế độ kiêng khem cũng có nhiều yếu tố tín ngưỡng mang tính chất ma thuật. Tỉ như: Họ không được ăn ốc vặn và các loại cá không có vảy, vì sợ con bị lở đầu; ...” (2, tr.190).

“... Cũng trong lúc mang thai còn phải kiêng một số thức ăn như không ăn quả sinh đôi (hai quả dính nhau) vì sợ đẻ sinh đôi, không ăn thịt các con vật bị chết, vì lo sau khi sinh đẻ sản phụ thiếu máu, không ăn ốc vì họ lo con nhiều dãi dớt” (3, tr.59).

Ngoài ra còn khá nhiều phân tích, lý giải cũng tương tự như các giải thích đã nêu trên, trong các bài báo, luận văn khác đã được công bố.

Theo nhận thức của chúng tôi, các lý giải trên đa số đều theo hướng kế thừa, cũng như dựa theo quan điểm của các học giả tiền bối. Có tác giả sau khi lý giải hiện tượng thai phụ Mường kiêng ăn ốc, còn dẫn sách của Toan Ánh *(3) lý giải về kiêng kỵ trong ăn uống của thai phụ người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ. Có lẽ cái gốc của sự lý giải xuất phát từ việc nhận thấy ốc là con vật có nhiều dãi, nhớt.

2. Các dữ liệu – cơ sở của hiểu biết mới

* Lễ cúng *mụ*

Người Việt (Kinh) quan niệm: *Mụ* là bà đỡ đầu cho hài nhi, dạy cho trẻ biết những hành vi ban đầu (*nhân tri sơ*): thở, ăn, bú, cười, khóc,... *Mụ* của người Việt cũng tương đương như *Then bầu*, *Then ló* của các cư dân Tày Thái. Vì thế sau khi hài nhi ra đời được một vài tuần thì người Việt làm lễ cúng *Mụ*. Khi cúng *Mụ*, người ta biện lễ vật ngay cửa buồng của mẹ con hài nhi.

Lễ vật cúng *mụ* gồm:

1 bộ trang phục bà chúa; 12 bộ trang phục của cô; 100 vàng bà; 1.200vàng cô; 1 vĩ hài (khoảng 13 đôi); 13 lễ tiền vàng; 1 gói nển; 13 con ốc; 13 con cua (cua, ốc lễ xong sẽ phóng sinh); 13 con bún (hoặc lá bún); 13 miếng đậu; 13 nắm xôi; 13 bông hoa hồng; 13 trái cây (thường dùng quýt, cam, hồng,...); Khi cúng *Mụ* ở buồng ngủ của trẻ, họ đồng thời biện một mâm cỗ cúng gia tiên.

Nội dung văn khấn: Tấu trình *thổ thần*, *tiền gia tiên chủ*, *gia tiên*, *Mụ*,... về sự ra đời của đứa trẻ, tên đứa trẻ, ngày sinh của đứa trẻ, địa chỉ gia đình của trẻ; mời *thổ thần*, *tiền gia tiên chủ*, *gia tiên*, *Mụ*,... về hưởng lễ vật, phù hộ độ trì, đỡ đầu, dạy dỗ đứa trẻ thành người tài giỏi, khỏe mạnh, đức độ, nhanh khôn lớn, đủ tài đức để phụng sự đất nước, non sông, phụng sự tổ tiên, gia đình, dòng tộc,...

Khi cúng chỉ thắp nển. Cúng xong, họ đốt (*hóa*) các loại đồ mã, phóng sinh ốc, cua,...

* Trong nghi lễ tang ma của người Dao Tiền, có tục kiêng ăn ốc: “Người ta cho rằng để tang lâu ngày sẽ gây nhiều khó khăn cho con cháu trong việc sinh

hoạt và sản xuất. Vì trong thời gian để tang, theo tục lệ, người có tang không được ăn ốc, không ăn tiết canh, không ăn tảo mọc ở bờ sông, suối... Theo lý giải của đồng bào thì người có tang mà ăn ốc tức là ăn mắt của người chết, ăn tiết canh và ăn tảo là uống máu và ăn lông tóc của người quá cố” (3, tr. 263). Họ quan niệm rằng, nếu khi làm ma bố mẹ, ông bà mà con cháu ăn ốc chính là ăn mắt của bố mẹ, ông bà. Và khi sang thế giới bên kia, ông bà, bố mẹ của họ sẽ không có mắt, mù lòa, không có cơ hội để trở lại đầu thai làm kiếp người nữa. Nếu có đầu thai lại thành kiếp người, ông bà bố mẹ của họ cũng sẽ không có hai con mắt.

* Người Nùng Phàn Slình ở Thái Nguyên cũng có việc cấm không được ăn ốc trong khi làm ma cho người thân (tương tự như người Dao Tiền ở Ba Bể): *“Trong tang ma, Phật giáo ảnh hưởng tới các quan niệm của người Nùng Phàn Slình ở chỗ: coi cái chết là kết thúc một chu kỳ đời người trên cõi trần gian, để bước vào thế giới vĩnh hằng. Vì vậy, hệ thống các nghi lễ cúng tế, ăn chay trong tang ma và những điều kiêng kỵ trong khoảng 40 ngày sau tang ma, đều bị chi phối bởi triết lý nhà Phật. Cụ thể kiêng không ăn ốc vì họ coi như ăn mắt của bố mẹ. Kiêng không sinh hoạt tình dục khi chịu tang, không ăn thịt và ăn mỡ vì sợ linh hồn không hết bụi trần, không thể siêu thoát”* (5, tr. 185).

* Cũng liên quan đến con ốc, Phật giáo quan tâm đến mấy vấn đề sau:

- Khi làm lễ rước vong (đưa linh hồn) của người quá cố lên chùa, phải có hai mâm cỗ cúng. Một mâm cỗ chay để thỉnh Phật; một mâm cỗ mặn để thỉnh vong hồn người quá cố. Đáng chú ý là mâm cỗ mặn để thỉnh vong hồn người quá cố, bắt buộc phải có một đĩa ốc luộc (ốc vặn). Khi được hỏi, mọi người thường không biết lý do tại sao lại phải có ốc luộc. Số rất ít người trả lời, cho rằng đó là để cúng *Son Trang*. Cách trả lời này không thuyết phục bởi *Son Trang* đã quy Phật, cũng chỉ ăn hoa quả (ăn chay), không ăn các con vật (Phật cấm sát sinh). Vậy, lý do cỗ mặn phải có ốc luộc ở đây là gì. Câu trả lời có lẽ là nếu không có ốc, vong hồn người vừa quá cố ở thế giới bên kia cũng sẽ không có mắt.

- Trong hệ thống Phật được thờ cúng ở *Đại hùng bửu điện* có vị *Bụt Ốc*. Vị Phật này được tạc với cái đầu bắm đầy những con ốc vặn. Tại sao lại như vậy? Chúng tôi đã đặt câu hỏi với nhiều nhà nghiên cứu Phật giáo, nhưng khi trả lời, đa số các nhà nghiên cứu tỏ ra không chắc chắn và câu trả lời cũng chưa thật thuyết phục. Theo suy luận (dựa vào các dữ liệu đã nêu trên), có thể ốc cũng tượng trưng cho ngàn mắt của Phật chăng**.

- Tại hang *Phìa Vài* (Na Hang, Tuyên Quang), khi khảo sát vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang, các nhà khảo cổ học đã phát hiện một bộ hài cốt. Trong hai hộc mắt ở đầu lâu hài cốt này, có hai vỏ ốc. Đã có một vài lý giải về hiện tượng này. Có người cho rằng ốc là vật quý, cổ xưa cư dân Đông Dương dùng vỏ ốc làm đồ trang sức (vòng cổ, còng tay,...) và làm vật trung gian để trao đổi các

loại sản vật,... nên con cháu của người chết đã cho hai con ốc vào hốc mắt cho thêm linh thiêng (như cách cho vàng vào kim loại khi đúc tượng).

3. Một vài nhận xét

Từ việc tham khảo các cách lý giải đã được công bố, liên quan đến việc kiêng kỵ trong ăn uống của thai phụ các dân tộc ở Việt Nam, có thể thấy: việc kiêng một số loại đồ ăn của các thai phụ thực chất dựa trên hai nguyên tắc: không ăn các loại đồ ăn có thể gây độc hại cho người ốm, người già, trẻ con và thai phụ (nhộng tằm, các con vật chết,...); không ăn các loại đồ ăn mà theo tín ngưỡng của các tộc người buộc phải kiêng kỵ (ốc,...). Tuy vậy, các cách lý giải đã được đưa ra lại chưa thật chú ý đến các nguyên tắc này.

Với các cứ liệu đã nêu trên (có cả cũ, cả mới), cho thấy, trong tín ngưỡng dân gian của nhiều tộc người ở Việt Nam, kể cả người Việt (Kinh), ốc là con vật liên quan đến mắt của con người. Đó là tín ngưỡng cổ truyền của các tộc người, mà các tư liệu mới, đã dẫn ở trên là minh chứng. Thai phụ ăn ốc, sẽ nguy hại hai con mắt của con họ khi sinh ra; con cháu ăn ốc khi làm ma cho bố mẹ, ông bà,... thì vong hồn ông bà, bố mẹ sẽ không có mắt, nếu họ được đầu thai trở lại làm kiếp người, cũng sẽ không có mắt;...

Cũng trên cơ sở các dữ liệu đã trình bày trên, có thể suy luận: ốc là vật thiêng và quý, việc dùng vỏ ốc làm đồ trang sức của cư dân cổ khu vực Bắc Đông Dương còn có thể được hiểu ốc được dùng như những lá bùa.

Có lẽ nên giải thích hiện tượng ở hang *Phìa Vài* theo tinh thần như trên. Thứ nhất, mục đích của việc bỏ ốc vào hai hốc mắt là để người thân khi được đầu thai trở lại làm kiếp người sẽ có đủ hai con mắt. Thứ hai, chủ nhân của di cốt ở hang *Phìa Vài* là tiên nhân của tộc người nào? Con cháu, di duệ của họ hiện nay là những ai? Câu trả lời ở đây chỉ có thể là cộng đồng người Dao đã từng sinh sống tại vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang (ít khả năng là người Tày). Theo hiểu biết của chúng tôi, đó là người Dao Đỏ. Như vậy di cốt trong hang *Phìa Vài* cũng chỉ có niên đại cách ngày nay khoảng trên dưới 300 năm. Theo các kết quả nghiên cứu Dân tộc học, người Dao chỉ mới di cư sang Việt Nam khoảng trên dưới 300 năm nay.

T.B

Chú thích:

* Người phụ nữ có mang cần phải kiêng: Ăn cua để tránh sinh ngang; ăn trai, sò, ốc hên để tránh con nhiều dãi dớt; ăn thịt thỏ để tranh con sút môi...(Trích trong Toàn Ảnh: *nếp cũ con người Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1992).

****** Có thể tham khảo thêm: Trong giáo lý nhà Phật ghi rằng: *Quan Âm Bồ Tát* nguyên là con gái thứ ba của *Sở Trang Vương* (*Xuân Thu*), tên thật là *Diệu Thiện*, đi tu từ nhỏ. Vì vua cha không cho đi tu, bắt nàng phải tự giết mình bằng kiếm. *Diêm vương* đã cứu nàng, cho sống trên tòa hoa sen ở *Phổ Đà Sơn*. Khi vua cha sắp chết, *Diệu Thiện* khoét mắt, chặt tay mình luyện được hoàn cứu sống *Sở Trang Vương*. *Sở Trang Vương* thương con gái, ra lệnh cho thợ thủ công tạc tượng *Diệu Thiện* đủ mắt, đủ tay, thợ nghe nhầm lại tạc nghìn mắt, nghìn tay. *Nghìn mắt* chính là những con ốc bám trên đầu tượng của vị Phật này.

Tài liệu tham khảo

1. Viện Dân tộc học, *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
2. Khổng Diễn (và các tác giả), *Dân tộc Si La ở Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2001.
3. Nguyễn Ngọc Thanh, *Tục lệ sinh đẻ và nuôi con ở người Mường, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ*, Tạp chí Dân tộc học, số 3/1997.
4. Lý Hành Sơn, *Các nghi lễ chủ yếu trong chu kỳ đời người của nhóm Dao Tienf ở Ba Bể, Bắc Kạn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
5. Nguyễn Thị Ngân, *Tang ma của người Nùng Phán Sinh ở Thái Nguyên*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Chuyên ngành Dân tộc học, Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.